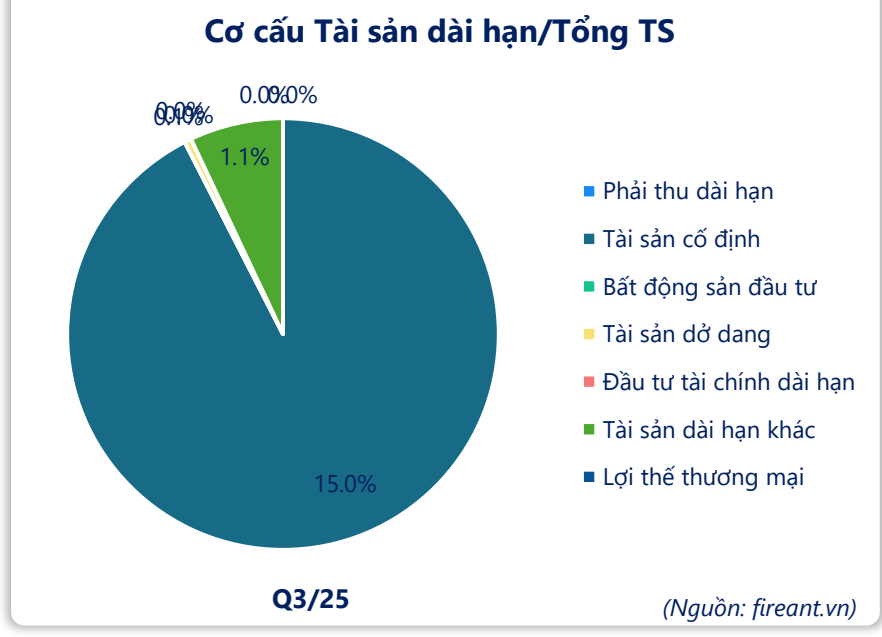
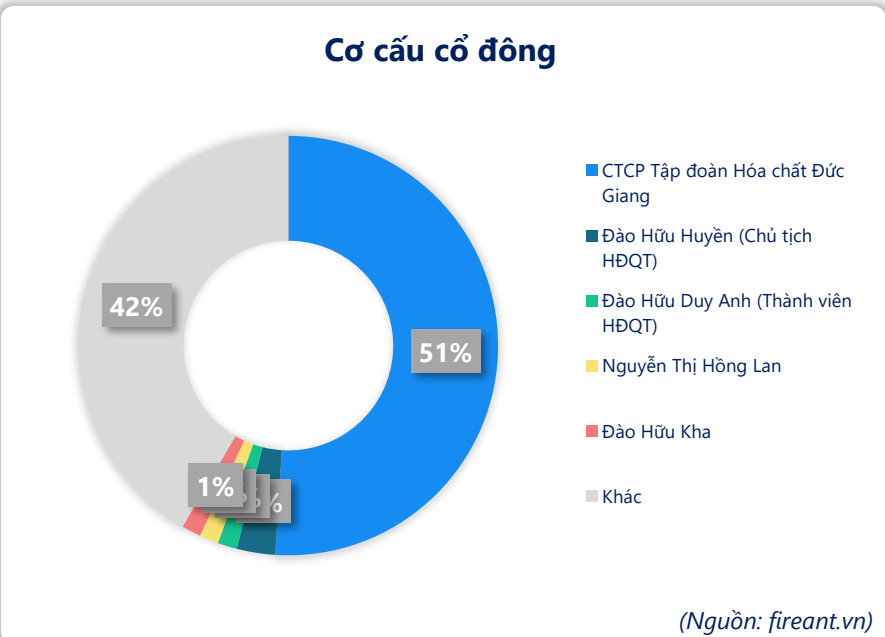
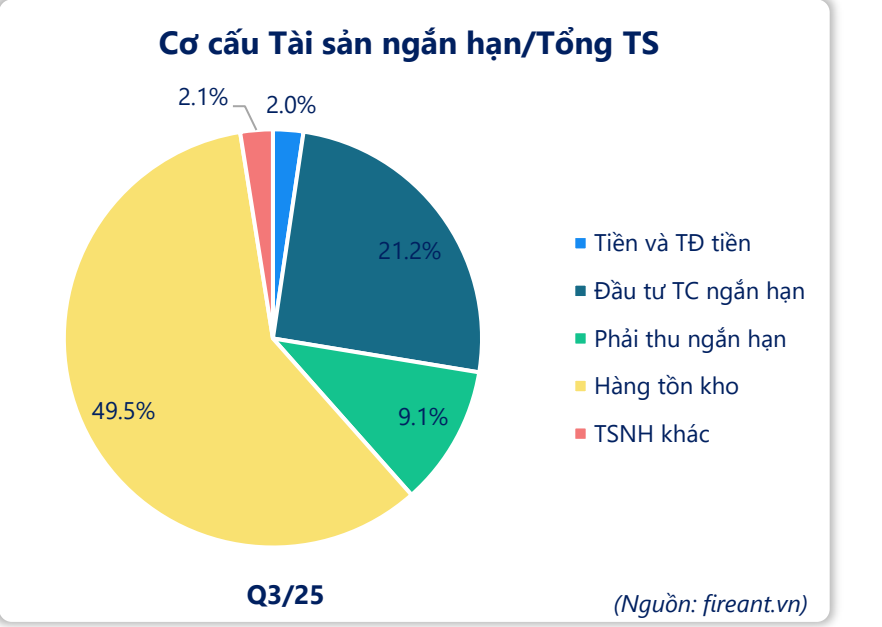
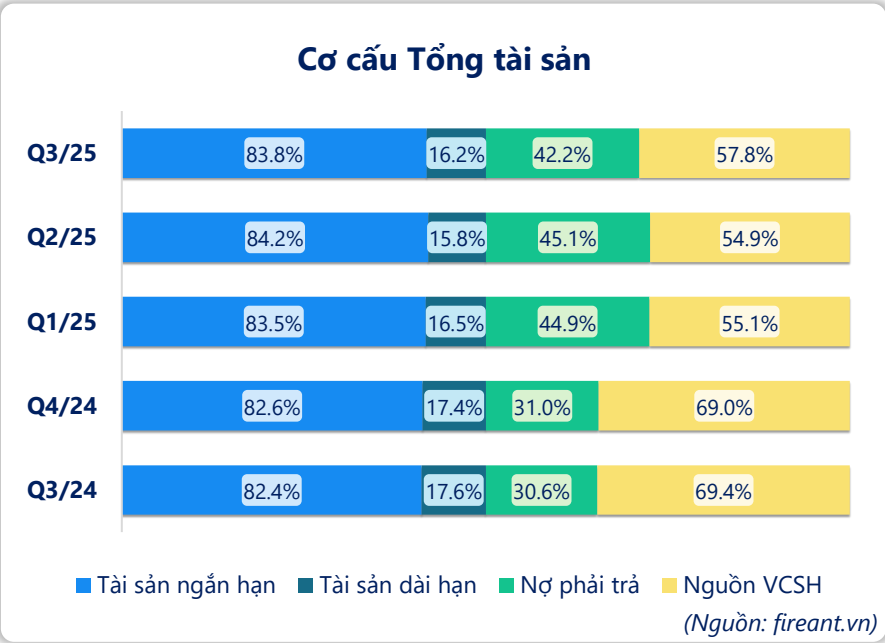
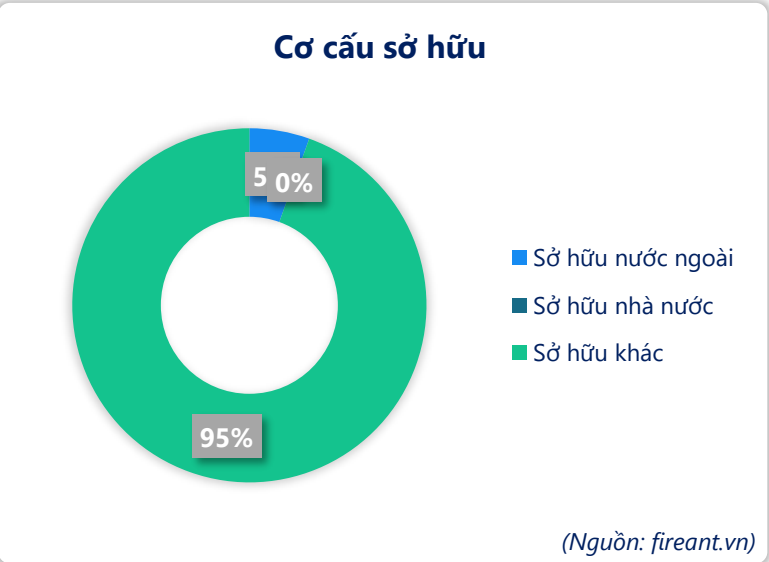
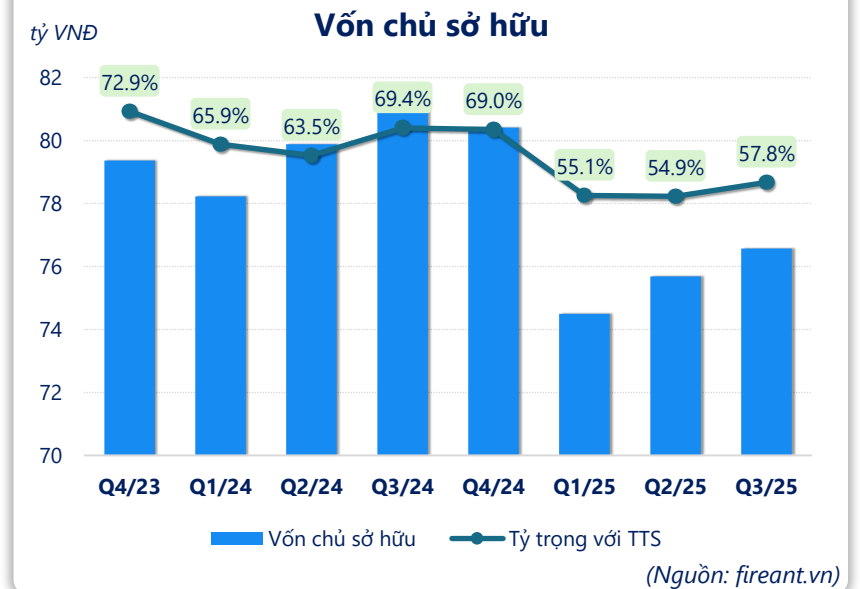
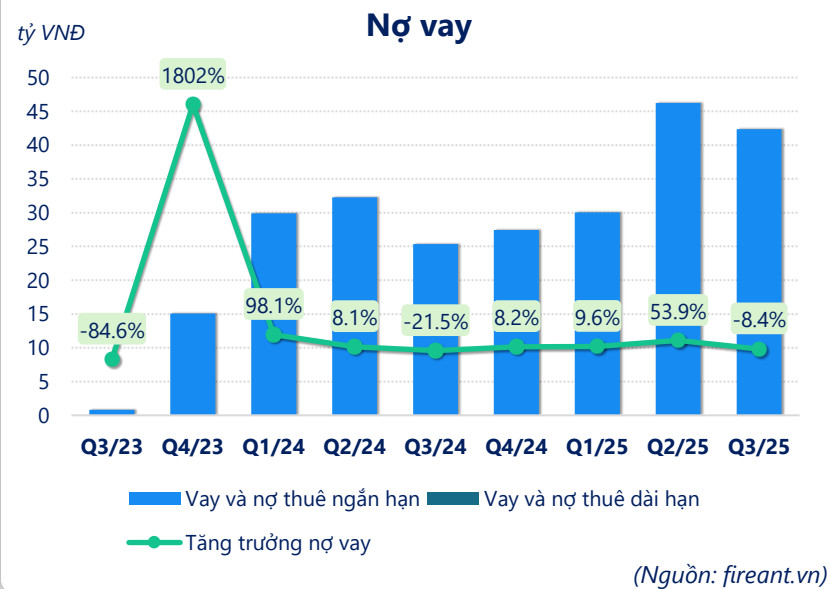
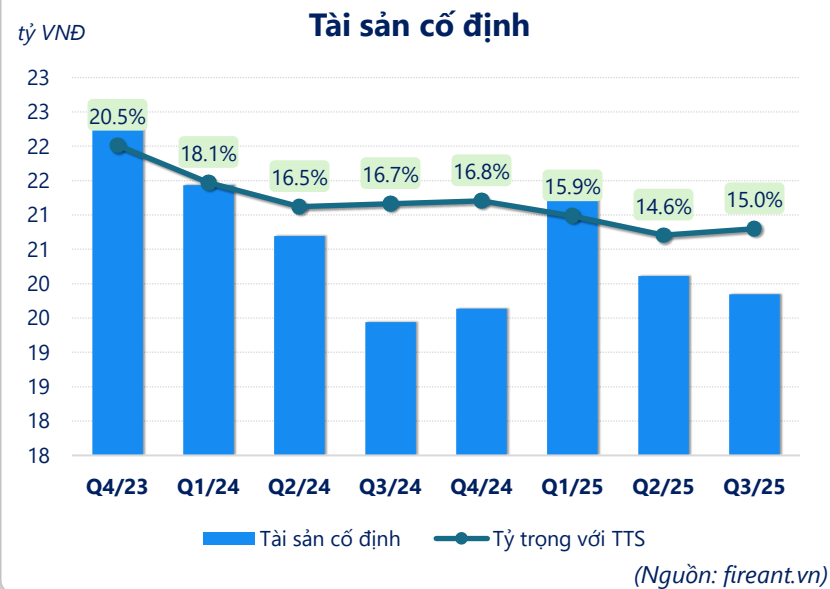
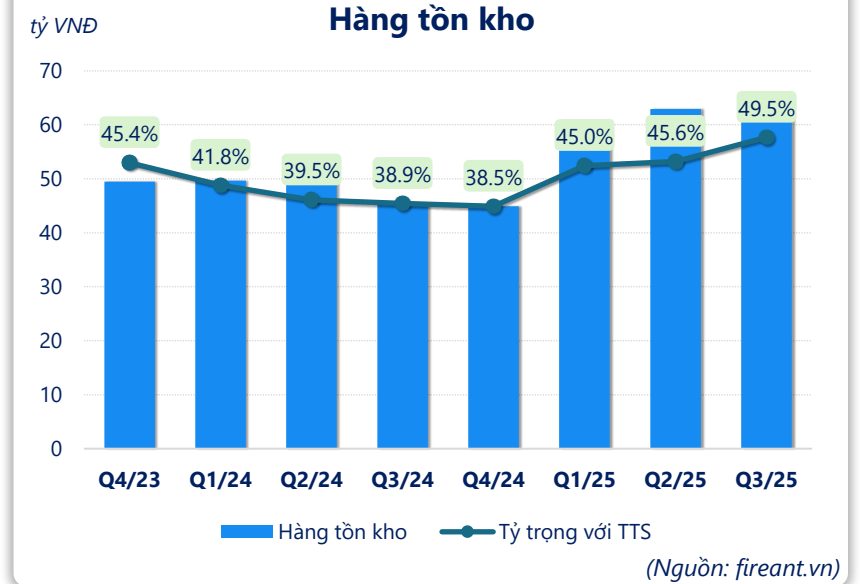
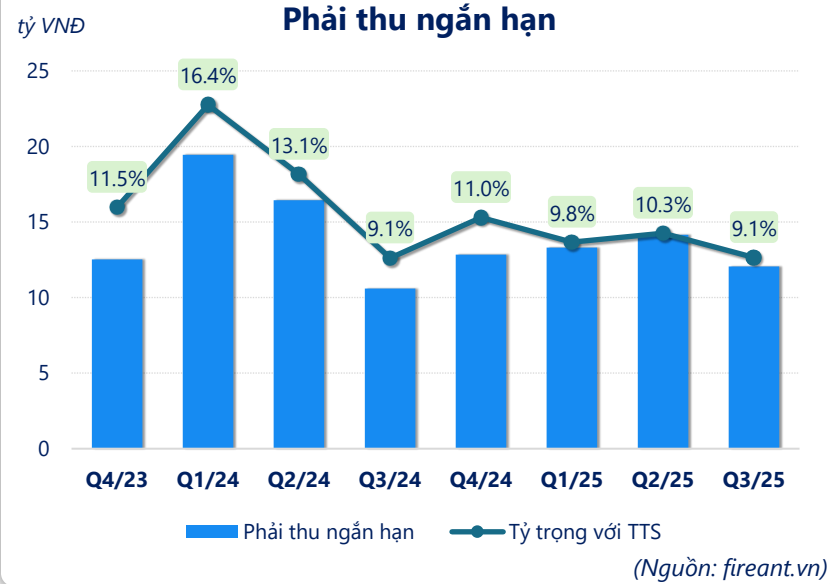
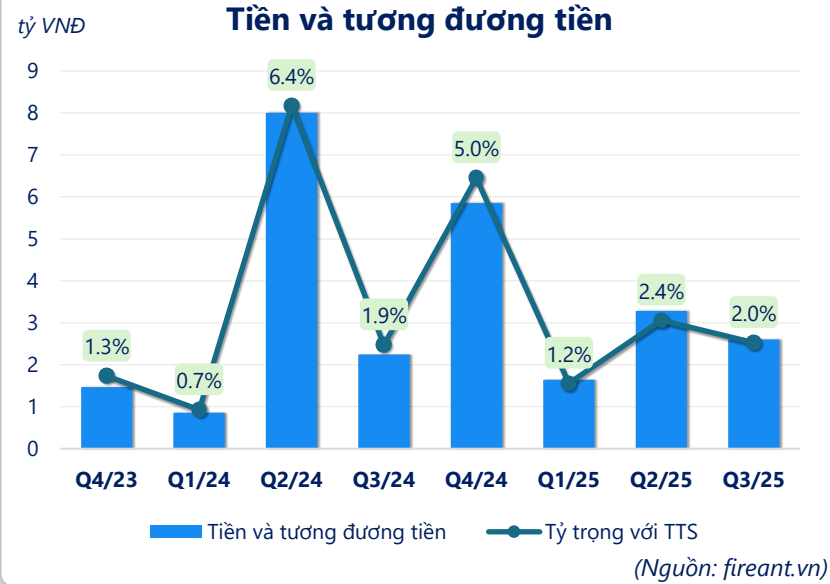
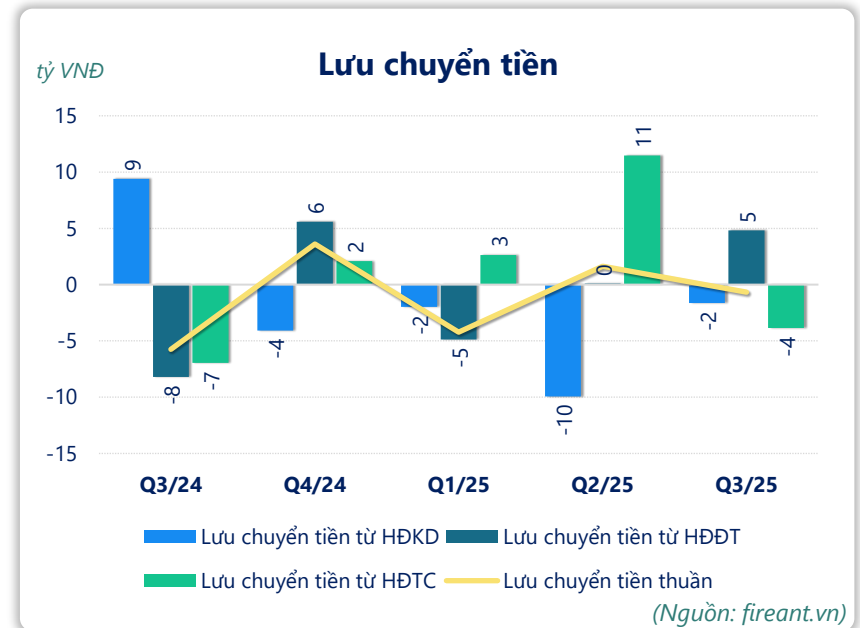
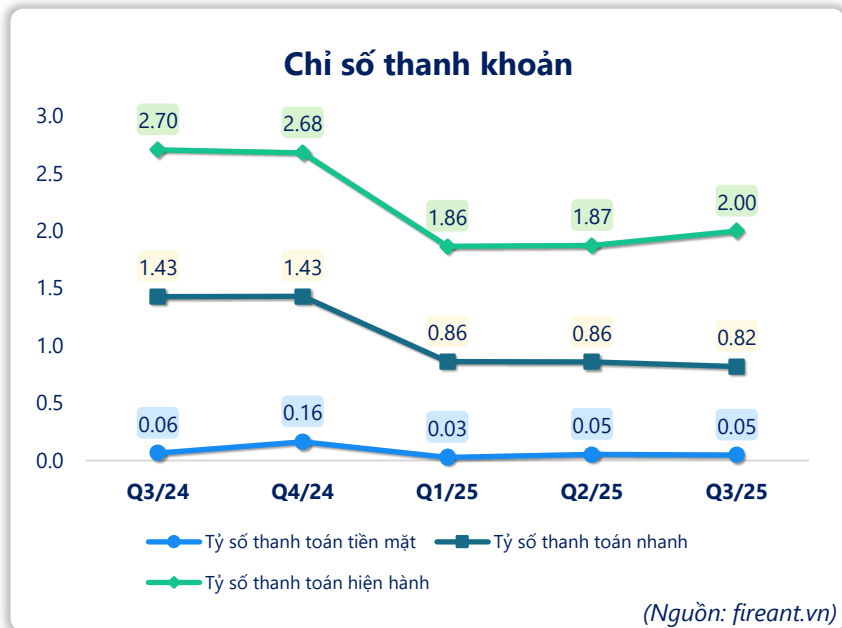
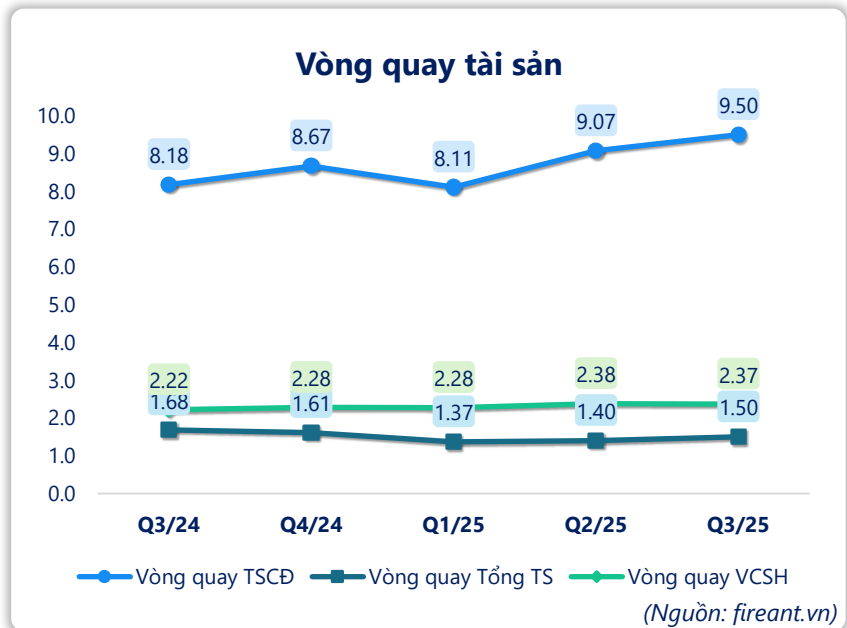
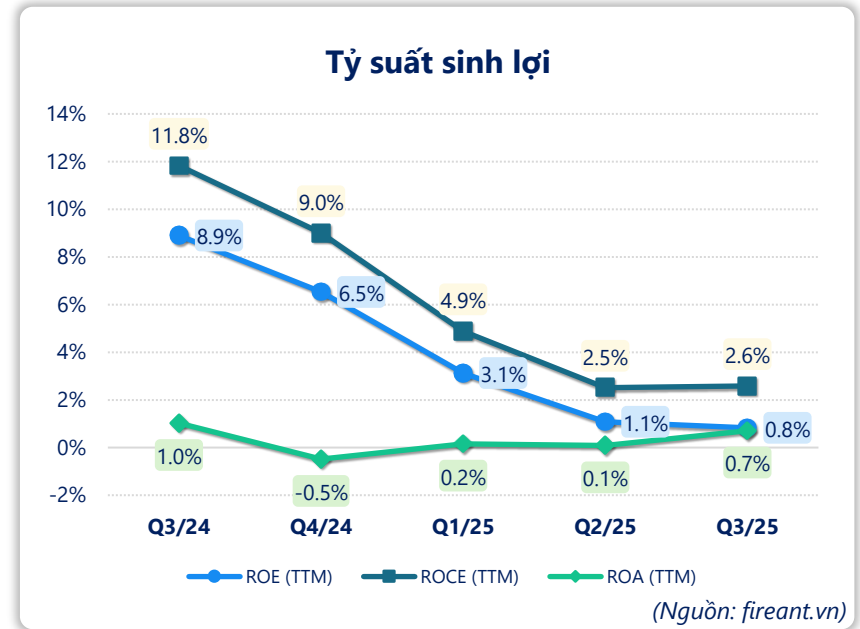
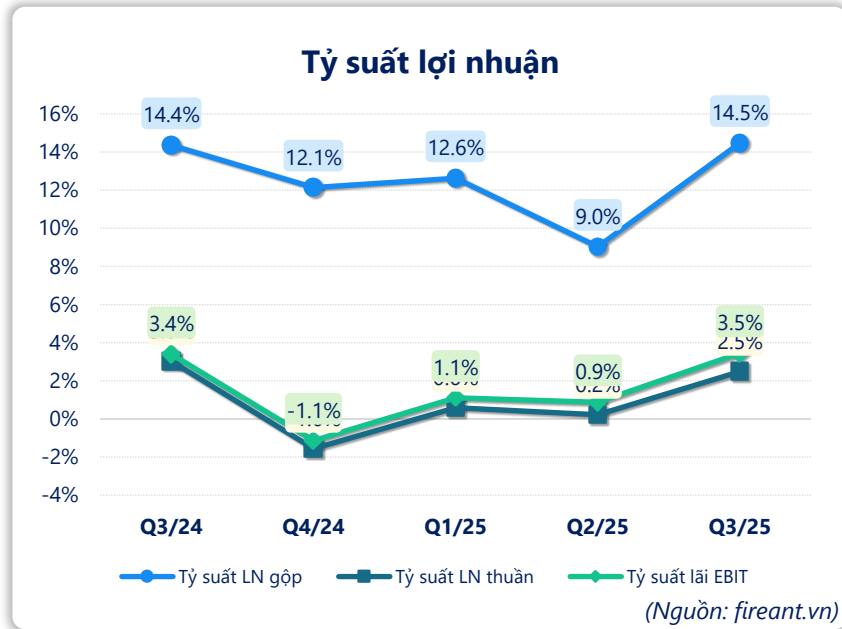
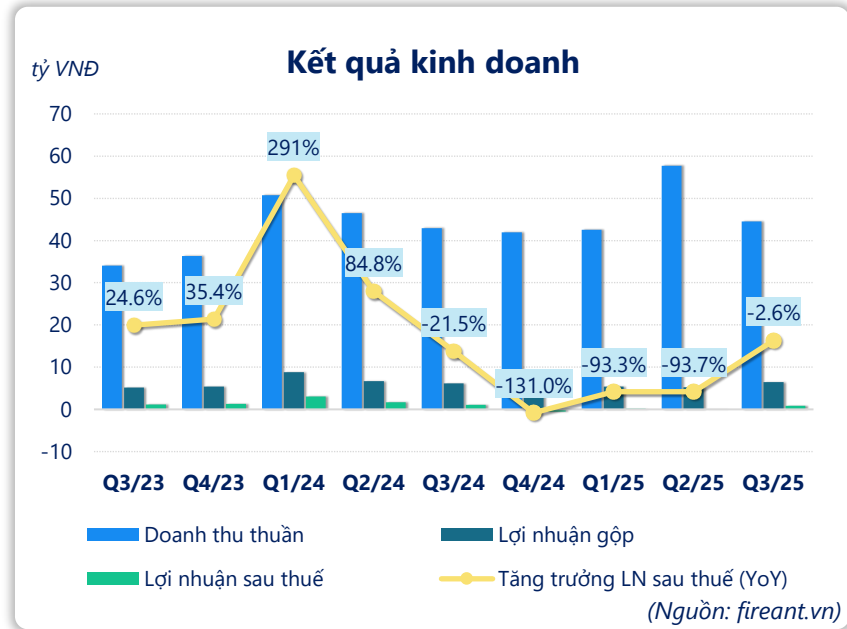


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		36,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		46,579
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,900
SL cổ phiếu LH		6,745,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,335
% sở hữu nước ngoài		5.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		249
P/E		381.7
EPS		97

	YTD	1T	3T	6T
TSB	-12.5%	-5.4%	5.4%	-5.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	132	117	13.6%
Tài sản ngắn hạn	111	96.3	15.2%
Tiền và tương đương tiền	2.60	5.85	-55.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.0	31.5	-11.1%
Phải thu ngắn hạn	12.1	12.8	-6.1%
Hàng tồn kho	65.5	44.9	45.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.79	1.24	125%
Tài sản dài hạn	21.5	20.3	5.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	19.8	19.6	1.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.11	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.51	0.63	139%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	55.8	36.2	54.3%
Nợ ngắn hạn	55.6	36.0	54.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.4	27.4	54.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.15	4.94	85.2%
Nợ dài hạn	0.23	0.18	24.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	76.6	80.4	-4.8%
Vốn chủ sở hữu	76.6	80.4	-4.8%
Vốn điều lệ	67.5	67.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	42.9	41.9	42.5	57.7	44.5
Giá vốn hàng bán	36.8	36.8	37.2	52.5	38.1
Lợi nhuận gộp	6.17	5.09	5.37	5.21	6.44
Doanh thu HĐTC	0.70	0.53	0.62	0.70	0.56
Chi phí TC	0.28	0.20	0.22	0.37	0.43
Chi phí lãi vay	0.16	0.18	0.22	0.37	0.43
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.82	4.31	4.10	3.71	4.26
Chi phí QLDN	1.47	1.77	1.41	1.70	1.21
LN thuần từ HĐKD	1.30	-0.65	0.25	0.13	1.10
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0	0.01	0
LN trước thuế	1.30	-0.66	0.25	0.14	1.10
Lợi nhuận sau thuế	1.07	-0.55	0.20	0.11	0.88
LNST của CĐ cty mẹ	1.07	-0.55	0.20	0.11	0.88

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.40	-4.07	-1.96	-9.93	-1.63
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.19	5.59	-4.88	0.10	4.81
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.96	2.09	2.63	11.5	-3.87
Tiền đầu kỳ	8.00	2.25	5.85	1.64	3.28
Lưu chuyển tiền thuần	-5.75	3.61	-4.21	1.64	-0.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	2.25	5.85	1.64	3.28	2.60

(Nguồn: fireant.vn)